

Số: /BC-TTGDXTN

Tây Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

(Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh

2. Địa chỉ và các địa chỉ hoạt động khác của đơn vị

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Hẻm 01, đường Lạc Long Quân, Khu phố 12, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Địa chỉ liên hệ hành chính: Số 07 Hẻm 18, đường Nguyễn Văn Rốp, Khu phố 12, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 0276 3841 305

- Địa chỉ thư điện tử: ttgdtxtinh.tayninh@moet.edu.vn

- Trang thông tin điện tử của đơn vị: <https://ttgdtxtayninh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

- Cơ sở giáo dục công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mệnh:

+ Đào tạo, bồi dưỡng: theo nhu cầu của người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng phù hợp với tình hình mới với mục tiêu “Chia sẻ, hợp tác, phát triển”.

+ Quyết tâm xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, tiên tiến, thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất để học viên được học tập, bồi dưỡng, rèn luyện và phát triển năng lực cá nhân về trí tuệ, tính độc lập sáng tạo và khả năng hợp tác, thích ứng.

- Tầm nhìn:

+ Xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh thành một đơn vị tiên tiến, hiện đại, văn minh.

+ Chương trình đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xây dựng “Xã hội học tập” nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh.

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Xây dựng Trung tâm có uy tín về chất lượng GD-ĐT, là mô hình GD-ĐT vừa mang tính đại chúng vừa có tính hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập. Đặc biệt, là nơi đáp ứng nhu cầu học suốt đời của người dân địa phương, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục.

+ Mục tiêu cụ thể:

Đội ngũ viên chức.

Phát triển đội ngũ viên chức theo hướng đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và chất lượng cao. Đảm bảo 100% viên chức có trình độ đạt và trên chuẩn, biết ứng dụng CNTT, sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu và công tác.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học, chuyển từ truyền thụ kiến thức sang dạy theo hướng phát huy năng lực của người học, chú trọng hình thành tính cách, kỹ năng thích ứng ...

Hiểu biết về tình hình phát triển kinh tế xã hội và xu thế phát triển; hệ thống các ngành nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học và vận dụng hiệu quả trong công tác tuyển sinh cũng như trong tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo Trung tâm.

Quy mô học viên

TT	Chương trình	Số lượng học viên tuyển mới hàng năm	Số lượng lớp tuyển mới hàng năm	Ghi chú
1	Trung cấp và Cao đẳng	150	3-4 lớp	
2	Liên kết đào tạo trình độ đại học	300-350	8-10 lớp	
3	Bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn	150-200	4-6 lớp	
4	Tiếng Anh Cambridge	600-700	35-40 lớp	
5	Ứng dụng CNTT	150-200	7-10 lớp	
6	Thi chứng chỉ Ngoại ngữ	500-600		
7	Thi chứng chỉ CNTT	250		

Chất lượng giáo dục, đào tạo:

Đào tạo, bồi dưỡng: chú trọng tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng thích ứng cuộc sống, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc...; tổ chức đào tạo ngoại ngữ, tin học và các khóa nâng cao trình độ theo nhu cầu cần thiết của người đã đi làm. Phối hợp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học có uy tín trong nước đào tạo các lớp văn bằng 1, văn bằng 2, liên thông bằng nhiều hình thức như trực tiếp hay trực tuyến, học trong và ngoài giờ hành chính phù hợp cho mọi đối tượng tham gia học.

Cơ sở vật chất

CSVC được sửa chữa, nâng cấp theo hướng đủ các phòng dạy, học lí thuyết, thực hành, thí nghiệm,... nâng cấp trang thiết bị đồng bộ, hiện đại; xây dựng thêm các

phòng chức năng, thí nghiệm, thực hành, phòng học thông minh trong khuôn viên Trung tâm.

Tiến tới xây dựng Trung tâm đạt chuẩn để thực hiện được đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của Bộ GD-ĐT.

Xây dựng môi trường sư phạm : Xanh - Sạch - Đẹp - Thân thiện - Văn minh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh được thành lập ngày 05 tháng 02 năm 1985 theo Quyết định số 05/QĐ.UB của UBND tỉnh Tây Ninh với tên gọi là Trung tâm Đại học tại chức Tây Ninh, trực thuộc UBND tỉnh. Ngày 17 tháng 5 năm 1990, UBND Tỉnh ra quyết định số 33/QĐ.UB đổi tên Trung tâm Đại học Tại chức thành Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng tại chức, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh; đồng thời giải thể Trường Sư phạm Cấp 3 tại chức, chuyển giao nhiệm vụ của Trường cho Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng tại chức thực hiện. Đến ngày 05 tháng 12 năm 1996, đơn vị được đổi tên chính thức là Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh theo quyết định số 149/QĐ.UB của Chủ tịch UBND Tỉnh.

- Trung tâm là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chủ yếu do ngân sách nhà nước đầu tư.

- Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường (nhóm 2 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021) theo Quyết định số 4668/QĐ-SGDĐT ngày 30/11/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc giao tự chủ tài chính cho Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh,

6. Thông tin người đại diện theo pháp luật

- Người đại diện pháp luật: Ông Trần Văn Tú

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 02 Hẻm 01, đường Lạc Long Quân, Khu phố 12, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Số điện thoại: 0987 575 232

- Địa chỉ thư điện tử: trantutayninh55@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Cơ cấu tổ chức của đơn vị gồm: giám đốc; phó giám đốc; phòng chức năng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; lớp học; hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng sáng kiến.

- Đội ngũ viên chức, người lao động gồm 16 người, trong đó:
- + Ban Giám đốc: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc;
- + Phòng Tổ chức hành chính: 01 Trưởng phòng 06 Nhân viên;
- + Phòng Quản lý đào tạo: 01 Trưởng phòng 03 Nhân viên;
- + Phòng Ngoại ngữ - Tin học: 01 Trưởng phòng 02 Nhân viên.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ VCNLĐ đều đạt chuẩn, trong đó có 03 viên chức có trình độ thạc sĩ, 10 viên chức có trình độ Đại học. Ngoài ra, Trung tâm hợp đồng thỉnh giảng giáo viên trong tỉnh có trình độ chuyên môn đạt chuẩn để giảng dạy các lớp ngoại ngữ, tin học ngắn hạn.

- Các tổ chức Đảng, đoàn thể: Chi bộ Đảng gồm 08 đảng viên / 03 nữ. Công đoàn cơ sở gồm 16 đoàn viên / 06 nữ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh năm học 2025-2026 như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	16		3	10			3
I	Giáo viên. Trong đó số giáo viên dạy môn:							
1	Toán							
2	Lý							
3	Hóa							
4	Tiếng Anh							
5	Tin học							
II	Cán bộ quản lý							
1	Giám đốc	1			1			
2	Phó giám đốc	1		1				
III	Nhân viên							
1	Nhân viên tổng hợp	1			1			
2	Nhân viên kế toán	2		1	1			
3	Nhân viên y tế							
4	Nhân viên thủ quỹ	1			1			
5	Nhân viên khác	10		1	6			3
Giáo viên thỉnh giảng các lớp ngoại ngữ, tin học ngắn hạn								
1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	16			16			
2	Ứng dụng CNTT	2		1	1			
	Cộng	18		1	17			

- Số Viên chức được đánh giá xếp loại: 13/13; trong đó, HTXS NV: 02, Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 11

- 100% CBQLGV thuộc diện phải bồi dưỡng hàng năm đều tham gia bồi dưỡng đúng quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trụ sở đơn vị hiện có 16 phòng học thường từ 64 đến 150 chỗ ngồi, 01 Hội trường 300 chỗ ngồi, 12 phòng học 32 chỗ ngồi được trang bị cassette, TV để phục vụ giảng dạy các lớp tiếng Anh chứng chỉ Cambridge; 04 phòng máy vi tính với 138 máy, 10 phòng làm việc; 10 phòng nghỉ dành cho giáo viên đầy đủ tiện nghi như: wifi, ti vi, máy điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh, máy nước nóng, máy giặt ...; 02 đường truyền internet cáp quang, đường truyền mạng nội bộ và website nhằm đáp ứng yêu cầu truy cập thông tin và công tác tại Trung tâm; 26 máy chiếu đa năng (multimedia projector); 1 máy phát điện và đầy đủ các trang thiết bị văn phòng khác đảm bảo phục vụ hoạt động của đơn vị.

Chi tiết tình hình cơ sở vật chất của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh năm học 2025-2026 như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m² / học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	16	1.48
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	2.63
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	12	1.53
7	Hội trường	1	1.46
8	Bình quân lớp/phòng học	3	
9	Bình quân học sinh/lớp	33	
III	Số điểm trường		Số m²/học viên
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10905	4.83
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2461	1.09
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	3227	1.58
2	Diện tích phòng thí nghiệm (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	
4	Diện tích phòng lao động sản xuất (m ²)	0	
5	Diện tích phòng thực hành (m ²)	0	
6	Diện tích xưởng sản xuất (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)	/	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có Theo quy định	/	Trung tâm GDTX tỉnh Tây Ninh không thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên các cấp phổ
1.1	Khối lớp...	/	
1.2	Khối lớp...	/	
1.3	Khối lớp...	/	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	<i>thông nên không sử dụng thiết bị dạy học chương trình phổ thông</i>
2.1	Khôi lớp...	/	
2.2	Khôi lớp...	/	
2.3	Khôi lớp...	/	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	/	
4	...	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	138	Bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị / lớp
1	Ti vi	32	
2	Cát xét	21	
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	
4	Máy chiếu OverHead / projector / vật thể	26	
5	Máy phát điện	1	
6	Máy photocopy	1	Thuê
7	Máy in	13	
8	Máy tính/laptop cho phòng làm việc	16	

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú	/	/	/
XIII	Khu nội trú	/	/	/
XIV	Phòng nghỉ cho giảng viên các lớp liên kết đào tạo	10 phòng / 192 m ²	/	/

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m2/học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	9	0	Tổng 375 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	/	/	/	/	/

(*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của Trung tâm	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của đơn vị thực hiện năm 2024 như sau:

TIÊU CHUẨN 1: CÔNG TÁC QUẢN LÝ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		5	x	
2	x		6	x	
3	x		7	x	
4	x				
TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC VIÊN					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		4	x	
2		x	5	x	
3	x				
TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		3	x	
2	x		4	x	
TIÊU CHUẨN 4: CÔNG TÁC XÃ HỘI HOÁ GIÁO DỤC					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1		x	3		x
2	x				
TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	x		4	x	
2		x	5	x	
3		x			

Tổng số các chỉ số đạt: 66/72, tỷ lệ: 91,67 %

Tổng số các tiêu chí đạt: 19/24, tỷ lệ: 79,17 %

Đoàn Đánh giá ngoài do Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh thành lập đã thực hiện đánh giá ngoài đối với đơn vị và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

theo Quyết định số 4996/QĐ-SGDĐT ngày 25/10/2024. Theo đó, đơn vị được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 trong 05 năm kể từ ngày Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký quyết định này.

Nhằm tiếp tục thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục sau khi đã có kết quả kiểm định, năm học 2025-2026 đơn vị đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục số 225/KH-TTGDTXTN ngày 03/10/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Trong năm học 2025-2026, đơn vị tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đúng quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Trung tâm Giáo dục thường xuyên. Đa dạng hóa chương trình, nội dung và hình thức giáo dục; đồng thời đảm bảo chất lượng giáo dục, đẩy mạnh đổi mới giáo dục và thích ứng với xu hướng quốc tế hóa, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

- Tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về học tập thường xuyên, học suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Nghiên cứu việc thực hiện phong trào thi đua “Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá đơn vị học tập, các hoạt động hưởng ứng học tập suốt đời, các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học và xây dựng văn hóa học đường, môi trường xanh - sạch đẹp, hiện đại, văn minh đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Công tác tuyển sinh, chiêu sinh được triển khai thường xuyên với nhiều hình thức tuyên truyền, quảng bá thông qua mạng xã hội, Zalo OA, Facebook và phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Trong công tác liên kết đào tạo, đơn vị tiếp tục liên kết với nhiều trường đại học uy tín như Đại học Huế, Đại học Đồng Tháp, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Tài chính – Marketing, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Điện lực, Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh... để tổ chức các lớp đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, liên thông và văn bằng 2.

- Các lớp học LKĐT được quản lý nền nếp; công tác tổ chức học tập, thi cử, phối hợp phục vụ giảng dạy được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Trong năm học, đơn vị đã phối hợp tổ chức hàng chục lớp học và lớp thi mỗi tháng, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân.

- Ở lĩnh vực ngoại ngữ và tin học, đơn vị tiếp tục tổ chức các lớp tiếng Anh trẻ em, tiếng Anh khung năng lực ngoại ngữ và ứng dụng CNTT cơ bản. Đồng thời phối hợp tổ chức các kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh theo chương trình Đại học Cambridge cho học viên và người dân có nhu cầu.

- Các hoạt động bồi dưỡng chuyên đề như kế toán trưởng, chức danh nghề nghiệp, kỹ năng sống và các chuyên đề nghiệp vụ khác tiếp tục được triển khai phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh trật tự được thực hiện tốt, có kế hoạch phối hợp công tác với công an địa phương; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và thực hiện các công tác đảm bảo an toàn về an ninh trật tự trường học. Đơn vị không có người vi phạm pháp luật và các vi phạm liên quan đến ma túy, tệ nạn xã hội khác.

- Thực hiện tốt các công tác an toàn giao thông trường học, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ ...

**** Công tác liên kết đào tạo:**

- Thực hiện nghiêm túc quy định về liên kết đào tạo theo quy định tại các thông tư và nội dung chỉ đạo tại các văn bản của ngành, tỉnh như sau: Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- **Tổng số học viên liên kết đào tạo trong năm học 2025-2026: 1.744** học viên / **81** lớp (tăng 132 học viên so với 1612 học viên cùng kỳ của năm học 2024-2025), trong đó:

+ Đại học, cao đẳng: **1.533** học viên / **47** lớp (tăng 65 học viên);

+ Bồi dưỡng chuyên đề: **211** học viên / **34** lớp (tăng 67 học viên).

* **Ghi chú:** các lớp bồi dưỡng chuyên đề được tổ chức trực tuyến, lớp được hình thành từ học viên ở nhiều địa phương khác nhau.

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Số lớp	SLHV	Ngày KG, nhập học
A. Đại học, cao đẳng		47	1.533	
I	Đại học Mở TPHCM	6	188	
1	Đại học từ xa Quản trị kinh doanh 2022	1	38	12/03/2022
2	Đại học từ xa Quản trị kinh doanh 2022 K2	1	30	12/11/2022
3	Đại học Kế toán 2023	1	30	07/01/2023
4	Đại học từ xa Quản trị kinh doanh 2024	1	39	09/11/2024
5	Đại học từ xa Quản trị kinh doanh 2025	1	30	27/09/2025
6	ĐH Kế toán 2026	1	21	09/05/2026
II	Đại học Luật Hà Nội	3	65	
1	Đại học Luật vb1 K6	1	28	25/03/2021
2	Đại học Luật vb1 K7	1	17	13/01/2022
3	Đại học Luật vb2 K6	1	20	29/09/2022
III	Đại học Huế (Viện ĐTM & CNTT)	12	630	
1	Đại học từ xa - Luật 2023/1-K14	1	51 (-18)	25/02/2023
2	Đại học từ xa - Luật 2023/2-K15	1	57 (-26)	24/06/2023
3	Đại học từ xa - Luật 2024/1-K16	1	55 (-16)	23/03/2024
4	Đại học từ xa - Luật 2024/2-K17	1	72	21/07/2024
5	Đại học từ xa - Luật 2025/1-K18	1	75	15/03/2025

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Số lớp	SLHV	Ngày KG, nhập học
6	Đại học từ xa - Luật 2026/1 K20	1	26	16/3/2026
7	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh 2024/1-Vb2	1	55	02/12/2023
8	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh 2024/2-Vb2	1	35	04/05/2024
9	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh 2025/1-Vb2	1	47	15/03/2025
10	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh 2025/2-Vb2	1	48	16/08/2025
11	Đại học từ xa - Luật2025/2-K19	1	42	16/08/2025
12	Đại học NNA26/1-VB2	1	67	01/02/2026
IV	Trường Đại học Giao thông VT TPHCM	5	83	
1	Đại học liên thông Công nghệ thông tin 2023	1	16	28/05/2023
2	Đại học liên thông Công nghệ thông tin 2024	1	24	12/10/2024
3	Đại học Xây dựng dân dụng 2024	1	22	12/10/2024
4	Đại học Xây dựng cầu đường 2024	1	10	12/10/2024
5	Đại học Công nghệ thông tin 2025	1	11	15/11/2025
V	Trường ĐH Điện lực Hà Nội	2	87	
1	Đại học liên thông Hệ thống điện 2022	1	53	14/05/2022
2	Đại học liên thông Hệ thống điện 2023	1	34	07/10/2023
VI	Trường ĐH Đồng Tháp	13	329	
1	Đại học Giáo dục Tiểu học 23	1	18	27/05/2023
2	Đại học Giáo dục Mầm non 23 (L2+L3)	1	29 (-10)	27/05/2023
3	Đại học Giáo dục Mầm non 24A	1	58	25/05/2024
4	Đại học Giáo dục Mầm non 24B	1	21	11/11/2024
5	Đại học Giáo dục Tiểu học 24	1	13	11/11/2024
6	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 24	1	25	11/11/2024
7	Đại học Giáo dục Mầm non 25A-L2	1	52	27/07/2025
8	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 25A.V	1	10	27/07/2025
9	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 25B.V	1	10	02/11/2025
10	Đại học Giáo dục Mầm non 25B-L2	1	15	10/11/2025
11	Đại học Giáo dục Mầm non 25C-L2	1	28	23/11/2025
12	Đại học Giáo dục Mầm non 25A-L3	1	13	23/11/2025
13	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 25C.V	1	37	23/11/2025
VII	Trường ĐH Tài nguyên Môi trường	1	30	
1	Đại học liên thông Trắc địa-bản đồ 2023	1	30	11/11/2023
VIII	Trường ĐH Tài chính - Marketing	4	94	
1	Đại học liên thông Kế toán 2023	1	22	27/05/2023
2	Đại học liên thông Quản trị kinh doanh 2024	1	19	02/03/2024
3	Đại học liên thông Kế toán 2024	1	26	30/11/2024
4	ĐHLT: Kế toán + Ngân hàng (15+12)	1	27	13/12/2025
IX	Trường ĐH Luật TPHCM	1	27	
1	Đại học Luật TPHCM 2024-VB1K13	1	27	28/12/2024

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Số lớp	SLHV	Ngày KG, nhập học
B. Bồi dưỡng chuyên đề		34	211	
I	Đại học Đồng Tháp	12	55	
1	BD Kỹ năng sống	1	13	22/05/2025
2	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	09	22/07/2025
3	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	22/07/2025
4	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	26/09/2025
5	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	16	22/11/2025
6	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	05	22/11/2025
7	BD CDNN Giáo viên THPT	1	01	25/11/2025
8	BD CDNN Giảng viên đại học	1	02	07/03/2026
9	BD NVSP Giáo viên tiểu học	1	03	24/03/2026
10	BD NVSP Giáo viên THCS-THPT	1	02	24/03/2026
11	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	01	26/03/2026
12	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	02/04/2026
II	Đại học Mở TPHCM	22	156	
1	BD Kế toán trưởng	1	08	20/04/2025
2	BD nghiệp vụ Thư viện – Thiết bị	1	01	15/05/2025
3	BD Kế toán trưởng	1	10	14/06/2025
4	BD nghiệp vụ Thư viện – Thiết bị	1	01	31/07/2025
5	BD Kế toán trưởng	1	10	10/08/2025
6	BD Báo cáo thuế	1	06	10/08/2025
7	BD Kế toán – Thuế	1	11	18/09/2025
8	BD Kế toán trưởng	1	08	04/10/2025
9	BD Báo cáo thuế	1	04	04/10/2025
10	BD nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ	1	13	11/10/2025
11	BD Kế toán trưởng	1	11	06/12/2025
12	BD Báo cáo thuế	1	02	06/12/2025
13	BDNV Văn thư – Lưu trữ	1	10	06/12/2025
14	BDNV Thư viện - Thiết bị	1	03	11/12/2025
15	BD Kế toán - Thuế	1	09	18/12/2025
16	BD Kế toán trưởng	1	07	07/03/2026
17	BD Báo cáo thuế	1	03	07/03/2026
18	BDNV H.chính văn phòng – V.thư, lưu trữ	1	09	24/03/2026
19	BD Kế toán - Thuế	1	12	24/03/2026
20	BDNV Thiết bị & Thư viện trường học	1	05	26/03/2026
21	BD Kế toán trưởng	1	08	16/05/2026
22	BD Báo cáo thuế	1	05	16/05/2026
Tổng cộng		81	1.744	

- **Công tác tuyển sinh liên kết đào tạo:** Đã tuyển được 626 học viên / 46 lớp, so với chỉ tiêu đạt: 115,93% (*chỉ tiêu tuyển mới 540 học viên*), cụ thể:
- + Đại học, cao đẳng: 437 học viên/15 lớp;
 - + Bồi dưỡng chuyên đề: 189 học viên/31 lớp.

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Số lớp	SLHV	Ngày KG, nhập học
A. Đại học, cao đẳng		15	437	
I/ Đại học Đồng Tháp		7	165	
1	Đại học Giáo dục Mầm non 25A-L2	1	52	27/7/2025
2	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 25A.V	1	10	27/7/2025
3	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 25B.V	1	10	02/11/2025
4	Đại học Giáo dục Mầm non 25B-L2	1	15	10/11/2025
5	Đại học Giáo dục Mầm non 25C-L2	1	28	23/11/2025
6	Đại học Giáo dục Mầm non 25A-L3	1	13	23/11/2025
7	Cao đẳng Giáo dục Mầm non 25C.V	1	37	23/11/2025
II/ Đại học Huế (Viện ĐTM & CNTT)		4	183	
1	Đại học từ xa - Ngôn ngữ Anh 2025/2-Vb2	1	48	16/8/2025
2	Đại học từ xa - Luật 2025/2-K19	1	42	16/8/2025
3	Đại học NNA26/1-VB2	1	67	01/02/2026
4	Đại học từ xa - Luật 2026/1 K20	1	26	16/3/2026
III/ Đại học Mở TPHCM		2	51	
1	Đại học từ xa Quản trị kinh doanh 2025	1	30	27/9/2025
2	ĐH Kế toán 2026	1	21	09/05/2026
IV/ Trường Đại học Giao thông VT TPHCM		1	11	
1	ĐH Công nghệ thông tin 2025	1	11	15/11/2025
IV/ Đại học Tài chính - Marketing		1	27	
1	ĐHLT: Kế toán + Ngân hàng (15+12)	1	27	13/12/2025
B. Bồi dưỡng chuyên đề		31	189	
I/ Đại học Đồng Tháp		11	42	
1	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	09	22/07/2025
2	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	22/07/2025
3	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	26/09/2025
4	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	16	22/11/2025
5	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	05	22/11/2025
6	BD CDNN Giáo viên THPT	1	01	25/11/2025
7	BD CDNN Giảng viên đại học	1	02	07/03/2026
8	BD NVSP Giáo viên tiểu học	1	03	24/03/2026
9	BD NVSP Giáo viên THCS-THPT	1	02	24/03/2026
10	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	01	26/03/2026
11	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	02/04/2026
II/ Đại học Mở TPHCM		20	147	
1	BD Kế toán trưởng	1	10	14/06/2025
2	BD nghiệp vụ Thư viện - Thiết bị	1	01	31/07/2025
3	BD Kế toán trưởng	1	10	10/08/2025
4	BD Báo cáo thuế	1	06	10/08/2025
5	BD Kế toán – Thuế	1	11	18/09/2025

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Số lớp	SLHV	Ngày KG, nhập học
6	BD Kế toán trưởng	1	08	04/10/2025
7	BD Báo cáo thuế	1	04	04/10/2025
8	BD nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ	1	13	11/10/2025
9	BD Kế toán trưởng	1	11	06/12/2025
10	BD Báo cáo thuế	1	02	06/12/2025
11	BDNV Văn thư – Lưu trữ	1	10	06/12/2025
12	BDNV Thư viện - Thiết bị	1	03	11/12/2025
13	BD Kế toán - Thuế	1	09	18/12/2025
14	BD Kế toán trưởng	1	07	07/03/2026
15	BD Báo cáo thuế	1	03	07/03/2026
16	BDNV H.chính văn phòng – V.thư, lưu trữ	1	09	24/03/2026
17	BD Kế toán - Thuế	1	12	24/03/2026
18	BDNV Thiết bị & Thư viện trường học	1	05	26/03/2026
19	BD Kế toán trưởng	1	08	16/05/2026
20	BD Báo cáo thuế	1	05	16/05/2026
Tổng cộng		46	626	

- Các lớp liên kết đào tạo đã tốt nghiệp ra trường hoặc hoàn thành chương trình bồi dưỡng trong năm học 2025 – 2026: **515** học viên/**44** lớp, trong đó:

+ Đại học, cao đẳng: 314 học viên/12 lớp;

+ Bồi dưỡng chuyên đề: 201 học viên/32 lớp.

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Lớp	Học viên	Ngày KG
I. Các lớp đại học, cao đẳng		12	314	
1	Đại học Luật HN vb1-K6 (BG 07/6/2025)	1	28	25/03/2021
2	Đại học từ xa - Luật 2023/2 K15 (BG 20/7/2025)	1	18/57	24/06/2023
3	Đại học Luật HN vb2-K6 (BG 22/11/2025)	1	20	29/09/2022
4	Đại học GD Tiểu học 23-L2 (BG 23/11/2025)	1	18	27/05/2023
5	Đại học GD Mầm non 23 (L2) (BG 23/11/2025)	1	10/29	27/05/2023
6	Đại học Kế toán 2023 - VB2 (BG 24/11/2025)	1	22	27/05/2023
7	Đại học TX Q.trị kinh doanh 2022 (28/12/2025)	1	38	12/03/2022
8	Đại học TX Luật 2023/1 K14 (BG 10/01/2026)	1	11/44	25/02/2023
9	Đại học TX Luật 2023/2 K15 (BG 29/3/2026)	1	08/39	24/06/2023
10	Đại học TX Luật 2024/1 K16 (BG 29/3/2026)	1	16/55	23/03/2024
11	Đại học TX N.ngữ Anh 2024/1 (BG 29/3/2026)	1	55	02/12/2023
12	Đại học Luật HN vb1-K7 (BG 20/4/2026)	1	17	13/01/2022
13	Đại học liên thông H.thống điện 2022 (16/5/2026)	1	53	14/05/2022
II. Các lớp bồi dưỡng chuyên đề		32	201	
I	Đại học Đồng Tháp	12	55	
1	BD Kỹ năng sống	1	13	22/05/2025
2	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	09	22/07/2025

Stt	Tên trường liên kết / lớp	Lớp	Học viên	Ngày KG
3	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	22/07/2025
4	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	26/09/2025
5	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	16	22/11/2025
6	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	05	22/11/2025
7	BD CDNN Giáo viên THPT	1	01	25/11/2025
8	BD CDNN Giảng viên đại học	1	02	07/03/2026
9	BD NVSP Giáo viên tiểu học	1	03	24/03/2026
10	BD NVSP Giáo viên THCS-THPT	1	02	24/03/2026
11	BD CDNN Giáo viên tiểu học	1	01	26/03/2026
12	BD CDNN Giáo viên mầm non	1	01	02/04/2026
II	Đại học Mở TPHCM	20	146	
1	BD Kế toán trưởng	1	08	20/04/2025
2	BD nghiệp vụ Thư viện – Thiết bị	1	01	15/05/2025
3	BD Kế toán trưởng	1	10	14/06/2025
4	BD nghiệp vụ Thư viện – Thiết bị	1	01	31/07/2025
5	BD Kế toán trưởng	1	10	10/08/2025
6	BD Báo cáo thuế	1	06	10/08/2025
7	BD Kế toán – Thuế	1	11	18/09/2025
8	BD Kế toán trưởng	1	08	04/10/2025
9	BD Báo cáo thuế	1	04	04/10/2025
10	BD nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ	1	13	11/10/2025
11	BD Kế toán trưởng	1	11	06/12/2025
12	BD Báo cáo thuế	1	02	06/12/2025
13	BDNV Văn thư – Lưu trữ	1	10	06/12/2025
14	BDNV Thư viện - Thiết bị	1	03	11/12/2025
15	BD Kế toán - Thuế	1	09	18/12/2025
16	BD Kế toán trưởng	1	07	07/03/2026
17	BD Báo cáo thuế	1	03	07/03/2026
18	BDNV H.chính văn phòng – V.thư, lưu trữ	1	09	24/03/2026
19	BD Kế toán - Thuế	1	12	24/03/2026
20	BDNV Thiết bị & Thư viện trường học	1	05	26/03/2026
Tổng cộng		44	515	

**** Công tác giảng dạy và tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học:**

- Đảm bảo chất lượng giảng dạy các lớp ngoại ngữ ngắn hạn, ứng dụng CNTT. Thực hiện chương trình giảng dạy và tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ, ứng dụng CNTT bảo đảm minh bạch, khách quan, trung thực, đúng quy định.

- Thực hiện đúng các quy định về chương trình giảng dạy và cấp chứng chỉ trình độ ngoại ngữ, tin học theo các văn bản của cấp trên về Chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành, Khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc dùng cho

Việt Nam, quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT, hướng dẫn về việc tổ chức giảng dạy và kiểm tra cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Khai thác tối đa vị thế của đơn vị ủy quyền phối hợp tổ chức khảo thí tiếng Anh theo chương trình của ĐH Cambridge với Trung tâm Khảo thí Tiếng Anh Cambridge VN120 tại Thành phố Hồ Chí Minh, quảng bá rộng rãi đến nhân dân toàn tỉnh để tổ chức các kỳ kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh ĐH Cambridge.

- Trong năm học 2025 -2026:

+ Tổ chức giảng dạy 04 khóa ngoại ngữ (tiếng Anh) theo giáo trình quốc tế tương đương với hệ thống khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, và 04 khóa tin học ngắn hạn theo chương trình ứng dụng CNTT với 1292 học viên (*giảm 182 học viên so với 1474 học viên cùng kỳ của năm học 2024-2025*);

+ Phối hợp với Trung tâm khảo thí Cambridge VN120 Bình Dương tổ chức 04 kỳ thi cấp chứng chỉ tiếng Anh Cambridge tại đơn vị cho 360 thí sinh (*giảm 177 thí sinh so với 537 thí sinh cùng kỳ của năm học 2024-2025*);

+ Phối hợp Trung tâm Tin học trường ĐH KHTN TPHCM tổ chức 04 kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT tại đơn vị cho 268 thí sinh (*tăng 144 thí sinh so với 124 thí sinh cùng kỳ của năm học 2024-2025*).

Tổ chức giảng dạy				
	<i>Ngoại ngữ</i>	<i>Tin học</i>	<i>Cộng</i>	<i>So với chỉ tiêu</i>
<i>Chỉ tiêu</i>	1074	210	1284	
Thực hiện	1016	276	1292	<i>Vượt chỉ tiêu</i>
Thi cấp chứng chỉ				
	<i>Ngoại ngữ</i>	<i>Tin học</i>	<i>Cộng</i>	<i>So với chỉ tiêu</i>
<i>Chỉ tiêu</i>	350	210	560	
Thực hiện	360	268	628	<i>Vượt chỉ tiêu</i>
Chứng chỉ đã cấp	265	153	418	<i>Còn 180 thí sinh đang chờ kết quả</i>

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình thu, chi tài chính năm 2025

- Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-SGDĐT ngày 30/11/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung

tâm GDTX tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025 (nhóm 2 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021), mức độ đảm bảo chi thường xuyên là 136%;

- Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-TTGDXTN ngày 01/03/2023 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh về việc ban hành mức giá dịch vụ đối với các lớp Ngoại ngữ - Tin học của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh;

- Căn cứ Quyết định số: 264/QĐ-TTGDXTN ngày 19/10/2024 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Quyết định số 01/QĐ-TTGDXTN ngày 03/01/2025 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

- Căn cứ Dự toán thu, chi năm 2025 số: 267/DT-TTGDXTN ngày 24/10/2024 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh báo cáo kết quả hoạt động năm 2025, mẫu B02/BCTC theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Dvt: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
1	DOANH THU	400		5.678.661.874	
1.1	Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp	411			
1.2	Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài	412			
1.3	Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại	413			
1.4	Doanh thu tài chính	414		294.189.014	
1.5	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	415			
1.6	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	416		5.384.472.860	
	- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	417		5.384.472.860	
	- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN	418			
1.7	Thu nhập khác	419			
2	CHI PHÍ	450		6.362.910.283	
2.1	Chi phí hoạt động không giao tự chủ	451			
2.2	Chi phí hoạt động giao tự chủ	452			
2.3	Chi phí tài chính	453		4.689.802	
2.4	Giá vốn hàng bán	454		1.349.759.478	
2.5	Chi phí bán hàng	455			

2.6	Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	456		5.008.461.003	
2.7	Chi phí khác	457			
2.8	Chi phí tài sản bàn giao	458			
3	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	460		125.158.838	
4	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	500		-809.407.247	
5	ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DO CHI PHÍ GHI NHẬN NĂM NAY NHƯNG DOANH THU ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN NĂM TRƯỚC	510		1.467.163.431	
6	THẶNG DƯ/ THÂM HỤT TRONG NĂM	520		657.756.184	
	Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị	521		471.051.998	
	Nguồn kinh phí mang sang năm sau	522		186.704.186	
	Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau	525			

- Tình hình thu, chi tài chính năm 2025, cụ thể như sau:

Đvt: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2025	Thực hiện	Ghi chú
I	Kinh phí năm trước chuyển sang + Kinh phí CCTL + Quỹ PTHĐSN (số thực thi trong năm 2025)		404.034.635	
II	Phần Thu	4.844.321.680	5.683.113.374	
1	Thu dịch vụ Ngoại ngữ	1.150.640.000	1.250.110.000	
2	Thu dịch vụ Tin học	146.800.000	179.550.000	
3	Thu liên kết đào tạo	3.263.881.680	3.870.234.360	
4	Thu lãi ngân hàng	200.000.000	294.189.014	
5	Thu cho thuê phòng trực tiếp	50.000.000	89.030.000	
6	Thu căng tin, giữ xe	33.000.000	0	
III	Phần Chi	3.953.339.917	4.704.720.326	

1	Lương và các khoản trích theo lương	2.246.711.883	2.370.098.760	
2	Hoạt động thường xuyên	1.497.101.600	2.032.890.104	không cộng chi phí hao mòn TSCĐ 891.007.666 đ
3	Thuế TNDN	105.376.434	125.158.838	
4	Thuế GTGT	4.150.000	4.451.500	
5	Khấu hao TSCĐ	100.000.000	172.121.124	
IV	Chênh lệch thu - chi (I+II-III)	890.981.763	1.382.427.683	
V	Trích Nguồn cải cách tiền lương: 3% nguồn thu HDDV sau thuế GTGT trên doanh thu	136.839.650	161.534.186	
VI	Kinh phí chuyên năm sau sử dụng		55.170.000	
VII	Thặng dư (phần chênh lệch thu chi sau khi trừ kinh phí chuyên năm sau và trích nguồn CCTL)	754.142.113	1.165.723.497	
VIII	Trích Quỹ (Thặng dư + Khấu hao TSC + Kinh phí chi CCTL năm 2025)	754.142.113	1.367.844.621	
1	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp (tối thiểu 25%)	222.745.441	471.051.998	
2	Quỹ khen thưởng	127.600.000	140.000.000	
3	Quỹ phúc lợi tập thể	221.900.000	130.000.000	
4	Quỹ bổ sung thu nhập	181.896.672	626.792.623	

2. Các khoản thu và mức thu dịch vụ

- Thu dịch vụ Ngoại ngữ, Tin học theo Quyết định số 53/QĐ-TTGDXTN ngày 01/03/2023 của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh về việc ban hành mức giá dịch vụ đối với các lớp Ngoại ngữ - Tin học của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh.

+ Giá dịch vụ Ngoại ngữ:

Stt	Mã lớp	Số tiết/ 01 khoá	Số tiền/ Học viên	Thời gian 01 khoá	Ghi chú
I	Tiếng Anh chứng chỉ Cambridge				
1	English for kids	60	460.000	2,5 tháng	
2	Pre- Starters	60	460.000	2,5 tháng	
3	Cấp Starters (S)	60	460.000	2,5 tháng	

4	Cấp Movers (M)	60	600.000	2,5 tháng	
5	Cấp Flyers (F)	60	600.000	2,5 tháng	
6	Pre- KET(AVCB)	60	460.000	2,5 tháng	
7	Ôn cấp S, M, F	60	540.000	2,5 tháng	
8	Cấp KET	60	720.000	2,5 tháng	
9	Cấp PET	60	800.000	2,5 tháng	
10	Ôn cấp KET, PET	60	820.000	2,5 tháng	
11	IELTS 3.5	60	850.000	2,5 tháng	
12	IELTS 4.0 - 5.0	50	1.000.000	2 tháng	
13	IELTS 5.0 - 6.5	50	1.500.000	2 tháng	
14	TOEFL (30)	50	1.200.000	2 tháng	
15	TOEFL (45)	50	1.500.000	2 tháng	
II	Tiếng Anh chứng chỉ quốc gia				
1	A1	60	720.000	2,5 tháng	
2	A2	60	720.000	2,5 tháng	
3	Ôn A1, A2	60	800.000	2,5 tháng	
4	B1	60	720.000	2,5 tháng	
5	Ôn B1	60	800.000	2,5 tháng	
6	B2	60	2.000.000	2,5 tháng	
7	Ôn B2	60	2.200.000	2,5 tháng	
8	C1	60	3.500.000	2,5 tháng	
9	Ôn C1	60	3.500.000	2,5 tháng	
III	Tiếng Anh Giao Tiếp	50	800.000	2 tháng	
IV	Tiếng Khmer	60	800.000	2,5 tháng	

+ Giá dịch vụ Tin học:

STT	Lớp	Số tiết		Thời gian	Số tiền/ Học viên	Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành			
1	Tin học thiếu nhi	30	30	1.5 tháng	470.000	
2	Ứng dụng CNTT cơ bản	30	60	2.5 tháng	800.000	
3	Ứng dụng CNTT nâng cao	30	60	2.5 tháng	1.000.000	
4	Luyện thi Ứng dụng CNTT cơ bản	10	30	1 tháng	350.000	
5	Luyện thi Ứng dụng CNTT nâng cao	10	30	1 tháng	440.000	

- Thu từ cho thuê Hội trường, phòng học, phòng máy tính, phòng nghỉ giáo viên; cho thuê trực tiếp trong thời gian dưới 30 ngày/01 lần thuê hoặc có giá trị gói thuê dưới 50 triệu đồng/01 lần thuê theo khoản 41 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP, giá cho thuê (đã bao gồm thuế) quy định tại Điều 4 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Trung tâm GDTX tỉnh, cụ thể như sau:

+ Phòng học, hội trường:

- Phòng 60 chỗ ngồi: 1.000.000 đồng/ngày;
- Phòng dưới 100 chỗ ngồi: 1.300.000 đồng/ngày;
- Phòng dưới 150 chỗ ngồi: 1.500.000 đồng/ngày;
- Phòng dưới 150 chỗ ngồi: 2.000.000 đồng/ngày (có máy lạnh);
- Phòng máy tính 30 máy: 2.400.000 đồng/ngày (có máy lạnh);
- Hội trường trên 200 chỗ: 2.000.000 đồng/ngày;

+ Phòng nghỉ giáo viên:

- 250.000 đồng/người/ngày đêm (phòng đơn);
- 160.000 đồng/người/ngày đêm (phòng đôi);
- 80.000 đồng/người (ở lại trong ngày).

Giá cho thuê có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế (thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương hoặc ưu đãi cho các đơn vị thường xuyên hợp tác...) do Giám đốc quyết định, nhưng đảm bảo không cao hơn giá cho thuê.

- Thu hộ: lệ phí, học phí theo Thông báo của các đơn vị liên kết đào tạo.

- Thu khác (lãi tiền gửi ngân hàng).

3. Số dư các Quỹ theo quy định và quỹ đặc thù (nếu có)

Dvt: đồng

STT	Quỹ	Số dư cuối kỳ	Ghi chú
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	5.065.989.762	
2	Quỹ khen thưởng	46.772.000	
3	Quỹ phúc lợi tập thể	75.477.000	
4	Quỹ bổ sung thu nhập	7.327.228	

4. Nội dung công khai tài chính khác

Niêm yết công khai tại bảng thông báo của đơn vị Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý sử dụng tài công; Quy chế về chế độ chi trả thù lao coi thi (áp dụng đối với các lớp của Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh); Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; Dự toán năm 2025; Báo cáo tài chính năm 2025.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kế hoạch giáo dục nhà trường, đội ngũ cán bộ, giáo viên, học viên, quản lý cơ sở vật chất từng bước thực hiện số hóa hồ sơ quản lý bảo đảm tinh gọn và hiệu quả:

+ Đơn vị ứng dụng CNTT trong các công tác: công tác văn phòng; quản lý tổ chức, hành chính, tài chính; quản lý các lớp LKĐT và quản lý giảng dạy, thi NNTH ngắn hạn; giảng dạy trực tuyến.

- Kết quả việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ trong năm học 2024-2025:

+ 02 VC của đơn vị viết 01 Sáng kiến giúp nâng cao hiệu quả công tác Quản lý đào tạo.

+ Kết quả thành tích thi đua, khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ trong năm học 2024-2025 tại đơn vị: 11 danh hiệu LĐTT, 03 danh hiệu CSTĐCS, 04 danh hiệu tập thể LĐXS.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT-Phòng KHTC (b/c);
- Website Trung tâm;
- Lưu: VT, TV.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tú